

**NGHỊ ĐỊNH số 157 - HĐBT ngày 13-9-1982 về việc sử dụng trang phục của Quân đội nhân dân Việt Nam.**

**HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ nghị định số 74-HĐBT ngày 26-4-1982 của Hội đồng bộ trưởng quy định quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu và lễ phục của Quân đội nhân dân Việt Nam;

Theo đề nghị của bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

**NGHỊ ĐỊNH**

**Điều 1.** — Các trang phục của Quân đội nhân dân Việt Nam bao gồm quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, lễ phục, quân phục thường dùng và các loại quân trang khác chỉ dành riêng cho cán bộ, chiến sĩ thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam sử dụng trong khi làm nhiệm vụ theo chức năng mà Nhà nước giao cho.

**Điều 2.** — Mọi quân nhân có trách nhiệm quản lý, bảo vệ và sử dụng quân trang đúng quy định.

Quân nhân khi mặc quân phục phải chỉnh tề, nghiêm túc, có đủ quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, đúng cấp bậc quân hàm và theo đúng quy định cho từng quân chủng, binh chủng hoặc ngành chuyên môn.

Cách trang phục cụ thể do bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

**Điều 3.** — Các cấp tướng và sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam có đủ 25 tuổi quân trở lên khi chuyển ngành hoặc nghỉ hưu được mang theo quân phục, quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu và được dùng trong những ngày Tết, ngày lễ hoặc khi dự các cuộc hội họp do [quân đội] tổ chức.

Các quân nhân khác khi chuyển ngành hoặc xuất ngũ được mang theo và được sử dụng quân phục thường dùng và các quân trang cá nhân theo quy định của Bộ Quốc phòng; quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu và các trang bị khác phải giao nộp lại cho đơn vị quản lý.

**Điều 4.** — Chỉ những xí nghiệp của Bộ Quốc phòng và những cơ sở sản xuất được Bộ Quốc phòng đặt gia công mới được sản xuất các loại trang bị và trang phục của quân đội.

Nghiêm cấm việc sản xuất, tàng trữ, sử dụng, mua bán, lưu hành trái phép các loại quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, mũ kê-pi và các loại quân phục kiểu mới đang dùng trong quân đội.

**Điều 5.** — Các lực lượng kiểm soát của quân đội, công an và các cấp chính quyền có trách nhiệm phối hợp kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các quy định nói trên. Mọi hành vi làm trái với nghị định này sẽ bị xử lý theo kỷ luật hành chính hoặc pháp luật.

**Điều 6.** — Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

**Điều 7.** — Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng bộ trưởng, bộ trưởng Bộ Quốc phòng, bộ trưởng Bộ Nội vụ, bộ trưởng các Bộ, chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương có trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 1982

T.M. Hội đồng bộ trưởng

K.T. Chủ tịch

Phó chủ tịch

TỔ HỮU